

Số: 06/GPMT-KCNC

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 3 năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

BAN QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHỆ CAO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 146/2002/QĐ-TTg ngày 24 tháng 10 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ về thành lập Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 07/2017/QĐ-UBND ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Kế hoạch số 41/KH-KCNC ngày 07 tháng 7 năm 2023 của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh tại Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 2856/QĐ-UBND ngày 11 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 98/2023/QH15 của Quốc hội, Chỉ thị số 27-CT/TU của Thành ủy và Nghị quyết số 18/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân Thành phố triển khai thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 4945/QĐ-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 686/QĐ-UBND ngày 06 tháng 3 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 1873/QĐ-UBND ngày 11 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân

Thành phố Hồ Chí Minh về ủy quyền giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 3580/QĐ-UBND ngày 28 tháng 8 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực Môi trường thuộc phạm vi tiếp nhận của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao và Quyết định số 6039/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực Môi trường thuộc phạm vi tiếp nhận của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao (bãi bỏ quy trình nội bộ có thứ tự 2, 5 tại Quyết định số 3580/QĐ-UBND ngày 28 tháng 8 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh);

Theo ý kiến của Tổ thẩm định cấp giấy phép môi trường đối với cơ sở “Nhà máy sản xuất mài chính xác cao, thiết bị tự động hóa cho ngành hàng không vũ trụ và y tế” tại Nhà xưởng D4.2 Lô I-15-1, đường D12, Khu Công nghệ cao, phường Tăng Nhơn Phú B, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tại buổi họp thẩm định vào ngày 16 tháng 10 năm 2024;

Xét đề nghị của Công ty TNHH TJ Aerospace tại Văn bản số 18092024-03 ngày 02 tháng 10 năm 2024 về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường đối với cơ sở “Nhà máy sản xuất mài chính xác cao, thiết bị tự động hóa cho ngành hàng không vũ trụ và y tế” và hồ sơ hoàn thiện kèm theo Văn bản số 14325/TJAVN ngày 14 tháng 3 năm 2025 về việc giải trình chỉnh sửa, hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường của cơ sở “Nhà máy sản xuất mài chính xác cao, thiết bị tự động hóa cho ngành hàng không vũ trụ và y tế” tại Nhà xưởng D4.2 Lô I-15-1, đường D12, Khu Công nghệ cao, phường Tăng Nhơn Phú B, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh theo ý kiến của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao;

Theo đề nghị của Phòng Quản lý Quy hoạch, Xây dựng và Môi trường tại Phiếu trình ngày 21 tháng 3 năm 2025 và Báo cáo số 43/BC-QHXDMT ngày 21 tháng 3 năm 2025 về kết quả thẩm định hồ sơ cấp giấy phép môi trường của cơ sở “Nhà máy sản xuất mài chính xác cao, thiết bị tự động hóa cho ngành hàng không vũ trụ và y tế” của Công ty TNHH TJ Aerospace VN.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH TJ Aerospace VN tại Nhà xưởng D4.2 Lô I-15-1, đường D12, Khu Công nghệ cao, phường Tăng Nhơn Phú B, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở “Nhà máy sản xuất mài chính xác cao, thiết bị tự động hóa cho ngành hàng không vũ trụ và y tế” với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: “Nhà máy sản xuất mài chính xác cao, thiết bị tự động hóa cho ngành hàng không vũ trụ và y tế” (viết tắt là Cơ sở).

1.2. Địa điểm hoạt động: Nhà xưởng D4.2 Lô I-15-1, đường D12, Khu Công nghệ cao, phường Tăng Nhơn Phú B, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.3. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đầu tư:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số 0316331209 năm 2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp chứng nhận lần đầu ngày 15 tháng 6 năm 2020, đăng ký thay đổi lần thứ chín ngày 16 tháng 01 năm 2024.

- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 6501414538 do Ban Quản lý các Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh cấp chứng nhận lần đầu ngày 09 tháng 6 năm 2020, thay đổi lần thứ nhất ngày 14 tháng 9 năm 2023.

1.4. Mã số thuế: 0316331209.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: sản xuất mài chính xác cao, thiết bị tự động hóa theo ngành hàng không vũ trụ và y tế.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Cơ sở có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư Nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Tổng diện tích nhà xưởng: 2.540 m² (theo Hợp đồng thuê nhà xưởng LTF – UNIT No. D4.2 (D8)/LTF-SEPOTEC ký ngày 18/11/2020 giữa Công ty TNHH MTV Sản xuất Billion Sepotec (tiền thân của Công ty TNHH TJ Aerospace VN) với Công ty TNHH Đầu tư Nhà xưởng Lập Thành.

- Quy mô: Cơ sở có tiêu chí phân loại dự án Nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Công suất sản xuất: Sản phẩm chi tiết cơ khí độ chính xác cao cho ngành công nghiệp hàng không vũ trụ và y tế, công suất 3.500.000 sản phẩm/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Công ty TNHH TJ Aerospace VN có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

2.6. Thực hiện theo đúng Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và hồ sơ đăng ký đầu tư đã được Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Trường hợp có sự thay đổi, phải báo cáo Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh để được xem xét, điều chỉnh giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và các hồ sơ pháp lý liên quan khác theo đúng quy định trước khi triển khai hoạt động.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **10 năm** kể từ ngày giấy phép môi trường được ký ban hành.

Điều 4. Giao Phòng Quản lý Quy hoạch, Xây dựng và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH TJ Aerospace VN;
- UBND TPHCM (để biết);
- Sở TN&MT TPHCM (để biết);
- UBND thành phố Thủ Đức (để biết);
- Các PTB (để biết);
- Văn phòng Ban Quản lý KCNC (để biết);
- Phòng QLDN, BQLCDA (để biết);
- Ban biên tập trang thông tin SHTP (để đăng tải trang thông tin điện tử);
- Lưu: VT, P.QHXDMT.TD.12.

TRƯỞNG BAN

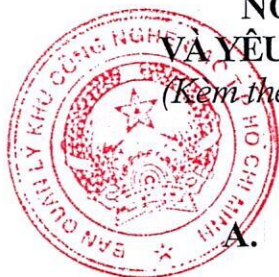


Nguyễn Kỳ Phùng

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 06.../GPMT-KCNC ngày 21 tháng 5 năm 2025 của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh)



A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

Cơ sở không thuộc đối tượng phải cấp giấy phép môi trường đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 (do nước thải sau xử lý không xả trực tiếp ra môi trường, được đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của Công ty TNHH Đầu tư Nhà xưởng Lập Thành, đưa về Nhà máy xử lý nước thải tập trung của Khu Công nghệ cao để tiếp tục xử lý).

Đồng thời, Công ty TNHH TJ Aerospace VN đã thỏa thuận với Công ty TNHH Đầu tư Nhà xưởng Lập Thành đảm bảo chất lượng nước thải đầu ra đạt yêu cầu về Tiêu chuẩn chất lượng nước thải đầu vào Nhà máy xử lý nước thải tập trung Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh tại hợp đồng thuê LTF – UNIT No. D4.2 (D8) /LTF-SEPOTEC giữa Công ty TNHH Đầu tư Nhà xưởng Lập Thành và Công ty TNHH TJ Aerospace VN ngày 18 tháng 11 năm 2020.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải

a) Nước thải sinh hoạt

- Nguồn thải 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh (bồn cầu, âu tiểu) của nhân viên tại khu vực tầng trệt, tầng 1 của nhà xưởng được thu gom bằng ống nhựa uPVC có đường kính Ø200mm đưa về xử lý sơ bộ bằng 01 bể tự hoại 3 ngăn có thể tích 5 m³ trước khi chảy vào hệ thống thoát nước thải của Công ty TNHH Đầu tư Nhà xưởng Lập Thành.

- Nguồn thải 02: Nước thải phát sinh từ hoạt động rửa tay, vệ sinh sàn nhà vệ sinh của nhân viên khu vực tầng trệt, tầng 1 của nhà xưởng được thu gom bằng ống nhựa uPVC có đường kính Ø200mm đưa về xử lý sơ bộ bằng 01 bể tự hoại 3 ngăn có thể tích 5 m³ trước khi chảy vào hệ thống thoát nước thải của Công ty TNHH Đầu tư Nhà xưởng Lập Thành.

Toàn bộ nước thải phát sinh từ nguồn thải số 1, 2 với tổng lưu lượng xả thải lớn nhất khoảng 15 m³/ngày sau khi xử lý sơ bộ tại 02 bể tự hoại 3 ngăn có tổng thể tích 10 m³ được thu gom bằng ống nhựa uPVC có đường kính từ Ø315 - Ø400mm được chảy vào hệ thống thoát nước thải của Công ty TNHH Đầu tư Nhà



xưởng Lập Thành. Sau đó đầu nối vào mạng lưới thu gom nước thải của Khu công nghệ Cao.

- Vị trí đầu nối số 1, tọa độ $X(m) = 613.300$; $Y(m) = 1.197.442$ (Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$ múi chiếu 3°).

- Vị trí đầu nối số 2, tọa độ $X(m) = 613.330$; $Y(m) = 1.197.393$ (Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$ múi chiếu 3°).

b) Nước thải sản xuất

- Nguồn thải 01: Nước pha dầu cắt gọt thải.

- Nguồn thải 02: Nước pha nước làm sạch thải.

Toàn bộ lượng nước thải sản xuất của cơ sở sẽ có chứa thành phần chất thải nguy hại được lưu chứa trong thùng nhựa 1000 lít có dán mã CTNH (mã 19 10 01) theo quy định của Thông tư 02/2022/TT-BTNMT và chuyển giao là CTNH cho đơn vị có chức năng xử lý theo quy định.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Công trình, thiết bị xử lý nước thải: bể tự hoại.

- Số lượng: 02 bể.

- Thể tích: $10 m^3$.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Cơ sở không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên theo dõi, bảo trì và bảo dưỡng bể tự hoại.

- Tăng cường các biện pháp kiểm tra, giám sát hệ thống thu gom nước và thoát nước thải để tránh hiện tượng tắc nghẽn.

- Thường xuyên kiểm tra và bảo trì những mối nối, van khóa trên hệ thống đường ống dẫn. Tiến hành nạo vét hệ thống công rãnh định kỳ.

- Khi phát hiện sự cố, thông báo ngay cho Công ty TNHH Đầu tư Nhà xưởng Lập Thành để nhanh chóng tiến hành rà soát, xử lý và khắc phục sự cố.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải (quy định tại Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở đảm

bảo đáp ứng theo yêu cầu đầu nối, tiêu chuẩn chất lượng nước thải đầu vào Nhà máy xử lý nước thải tập trung Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh, không xả nước thải trực tiếp ra môi trường.

3.2. Công ty TNHH Đầu tư Nhà xưởng Lập Thành có trách nhiệm thu gom và xử lý toàn bộ các loại nước thải (bao gồm nước thải sản xuất và nước thải sinh hoạt) phát sinh từ cơ sở của Công ty TNHH TJ Aerospace VN đạt tiêu chuẩn quy định về đầu nối nước thải sau xử lý vào hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung của Khu Công nghệ Cao, ký hợp đồng dịch vụ xử lý nước thải với Đơn vị quản lý vận hành Nhà máy xử lý nước thải tập trung Khu Công nghệ Cao (theo Quy chế quản lý việc xây dựng và vận hành các công trình xây dựng có sẵn để cho thuê trong Khu Công nghệ Cao được ban hành kèm theo Quyết định số 182/QĐ-KCNC của Ban Quản lý Khu Công nghệ Cao ngày 30 tháng 6 năm 2021).

Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số .06/GPMT-KCNC ngày 21. tháng 3. năm 2025 của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh)



A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải

- Nguồn số 01: bụi phát sinh từ hoạt động máy phay, tiện CNC để gia công sản phẩm trong công đoạn gia công nguyên công đầu tiên và gia công nguyên công tiếp theo, bụi được giữ lại trong nước pha dầu làm mát, bôi trơn và rửa bề mặt gia công của máy, được thu gom tại thiết bị thu nước pha dầu đồng bộ trong máy, khép kín hoàn toàn và chuyển đến kho lưu chứa chất thải nguy hại, chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý.

- Nguồn số 02: bụi phát sinh từ công đoạn làm sạch và mài nhẵn bằng máy mài rung Tumbler, cơ chế mài dựa trên các rung động cơ để mài mòn chi tiết, bụi được giữ lại trong nước pha dung dịch làm sạch của máy và chuyển đến kho lưu chứa chất thải nguy hại, chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý.

- Nguồn số 03: bụi phát sinh từ công đoạn làm sạch và mài nhẵn bằng máy mài cầm tay, thực hiện trong phòng làm sạch Deburr, được thu gom bằng chụp hút qua hệ thống lọc bụi túi vải, thoát khí trong nhà xưởng và chuyển đến kho lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường, chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom và xử lý.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

Cơ sở không có dòng khí thải, chỉ có hệ thống thoát bụi, lọc bụi; khí thải thoát trong nhà xưởng, không xả khí thải ra môi trường.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

Nguồn số 03: bụi phát sinh từ công đoạn làm sạch và mài nhẵn bằng máy mài cầm tay, thực hiện trong phòng làm sạch Deburr, được thu gom bằng chụp hút có kích thước 300x300x300 mm và đường ống thu gom từ vật liệu thép chịu nhiệt, không gỉ có đường kính D100 – D250 mm, chiều dài 33 m qua hệ thống lọc bụi túi vải và chuyển đến kho lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường, chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom và xử lý.

Khí thải có chứa bụi được thu gom bằng các chụp hút có kích thước 300x300x300 mm và đường ống thu gom từ vật liệu thép chịu nhiệt, không gỉ có đường kính D100 – D250 mm, chiều dài 33 m.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải

1.2.1. Hệ thống thu gom bụi của nguồn 1, 2.

Bụi → Dung dịch nước pha dầu/nước làm sạch → Thiết bị thu gom bụi đồng bộ với máy phay, tiện CNC, máy mài rung Tumbler.

1.2.2. Hệ thống thu gom bụi của nguồn 3.

- Bụi → Chụp hút → Thiết bị lọc bụi túi vải → Quạt hút → Thoát trong nhà xưởng.

- Công suất thiết kế: Quạt hút ly tâm kiểu quạt trực tiếp có lưu lượng 15.000 m³/giờ, 5.5kW/380V; đường ống thu gom thép chịu nhiệt, không gỉ đường kính D100 – D250 mm, chiều dài 33m; chụp hút kích thước 300x300x300 mm; thiết bị lọc bụi túi vải chất liệu PE có đường kính D0,6m và chiều dài túi lọc 0,95 – 1,5 m;

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục

Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc khí thải tự động, liên tục theo quy định tại Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Đảm bảo vận hành theo đúng kỹ thuật của nhà cung cấp.
- Thường xuyên kiểm tra, định kỳ bảo trì, bảo dưỡng của thiết bị; kiểm tra việc rò rỉ và khắc phục sửa chữa, thay thế đường ống, lọc túi vải nếu có hư hỏng.
- Trang bị các thiết bị dự phòng cho hệ thống thông gió như quạt hút, ống dẫn để kịp thời thay thế nếu hư hỏng.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

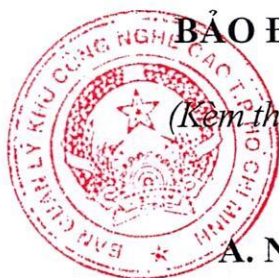
3.1. Đảm bảo bố trí nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý bụi.

3.2. Thu gom, xử lý bụi phát sinh từ hoạt động của cơ sở và bàn giao cho đơn vị có chức năng xử lý đúng theo quy định.

Phụ lục 3

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 001./GPMT-KCNC ngày 11 tháng 5 năm 2025 của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh)



A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Khu vực làm sạch và mài nhẵn (Công đoạn gia công nguyên công cuối cùng).
- Nguồn số 02: Khu vực máy rung Tumbler (Công đoạn gia công nguyên công cuối cùng).

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Tọa độ: X = 1.197.386; Y = 613.317;
- Nguồn số 02: Tọa độ: X = 1.197.336; Y = 613.323.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, múi chiều 3°)

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn QCVN 26:2010/BTNMT và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung QCVN 27:2010/BTNMT, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn theo QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung theo QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

1.1. Máy móc, thiết bị được lắp đặt đúng quy cách, lắp đặt lò xo đàn hồi trên bộ máy kiên cố. Thường xuyên kiểm tra độ mòn thiết bị, thay thế các thiết bị, chi tiết hỏng, tiến hành bảo trì, bảo dưỡng thiết bị định kỳ.

1.2. Thường xuyên kiểm tra lượng dầu bôi trơn và dầu trong máy.

1.3. Trong suốt quá trình hoạt động, tiếp tục duy trì các biện pháp giảm thiểu nêu trên và thường xuyên có kế hoạch giám sát định kỳ để hạn chế đến mức thấp nhất ô nhiễm do tiếng ồn gây ra.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Thực hiện đầy đủ các biện pháp nhằm giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung phát sinh trong quá trình vận hành của cơ sở, bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Thường xuyên kiểm tra và bảo trì, bảo dưỡng định kỳ các máy móc, thiết bị của cơ sở.



Phụ lục 4

**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số .ĐK../GPMT-KCNC ngày 11 tháng 3 năm 2025
của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh

STT	Tên chất thải	Mã CTNHH	Trạng thái	Khối lượng (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang thải, các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	Rắn	5
2	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại (Giẻ lau, giấy lau dính dầu mỡ)	18 02 01	Rắn	20
3	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn khác	17 02 04	Rắn/lỏng	10
4	Pin, ắc qui thải	16 01 12	Rắn	10
5	Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại	08 02 04	Rắn	6
6	Bao bì cứng thải bằng nhựa nhiễm các thành phần nguy hại	18 01 03	Rắn	60
7	Nước thải có thành phần nguy hại (Nước làm mát thải, nước làm sạch)	19 10 01	Lỏng	8.500
8	Phoi từ quá trình gia công tạo hình hoặc vật liệu bị mài ra lẫn dầu, nhũ tương hay dung dịch thải có dầu hoặc các thành phần nguy hại khác (ba vó)	07 03 11	Rắn	180.000
Tổng cộng				188.611

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

Stt	Tên chất thải	Khối lượng (tấn/năm)
1	Bao bì nilong	120
2	Bao bì carton	
Tổng số lượng		120

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 10 tấn/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: trang bị các thùng nhựa, thùng phuy có nắp đậy, bên ngoài được dán tên, mã chất thải nguy hại và ký hiệu cảnh báo theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 (Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT).

2.1.2. Kho lưu chứa

- Diện tích kho: 6,55 m².
- Vị trí bố trí: được đặt tách biệt ở phía sau cơ sở.
- Thiết kế, cấu tạo: kho chứa chất thải nguy hại được bố trí có nền bê tông chống thấm, có gờ chống tràn chất thải ra ngoài để phòng trường hợp xảy ra sự cố tràn đổ chất thải đang lưu chứa trong phòng chứa, có mái che, có biển cảnh báo; trang bị bình chữa cháy, vật liệu thấm hút để ứng phó khi có sự cố xảy ra, đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Bao chứa chuyên dụng 120 Lit

2.2.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích phòng: 2,9 m².
- Vị trí bố trí: được đặt tách biệt ở phía sau cơ sở.
- Thiết kế, cấu tạo: kho lưu chứa tập trung có nền bê tông chống thấm. Bố trí rãnh thoát nước nhằm thu nước thải phát sinh từ quá trình vệ sinh thùng rác, vệ sinh khu vực tập kết rác.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: được chứa trong 02 thùng chứa có dung tích 120 lít tại có nắp đậy kín.

2.3.2. Kho lưu chứa: không bố trí kho lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt riêng, vị trí bố trí đặt thùng rác bên ngoài nhà xưởng.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn theo quy định và ký hợp đồng với đơn vị chức năng để thu gom, vận chuyển xử lý đối với chất thải phát sinh tại cơ sở theo đúng quy định hiện hành, đảm bảo tần suất thu gom.

2. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Xây dựng, thực hiện các biện pháp an toàn lao động, các phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ, sự cố hóa chất, sự cố hệ thống xử lý nước thải, hệ thống thoát khí thải và các sự cố môi trường khác theo quy định pháp luật.

4. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

5. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.



Phụ lục 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số .06./GPMT-KCNC ngày 21 tháng 3 năm 2025 của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Bảo đảm và tự chịu trách nhiệm về thông tin, số liệu trong nội dung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường và các nội dung giải trình đã nộp kèm theo hồ sơ đề nghị cấp phép môi trường của cơ sở.

2. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Quản lý chất thải rắn sinh hoạt phát sinh theo Quyết định số 63/2024/QĐ-UBND ngày 20 tháng 9 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quy định về quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật hiện hành về an toàn lao động, quản lý hóa chất, phòng cháy chữa cháy và các quy định pháp luật có liên quan.

5. Xây dựng, thực hiện các biện pháp an toàn lao động, các phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ, sự cố hóa chất, sự cố hệ thống xử lý nước thải, sự cố hệ thống xử lý bụi, khí thải và các sự cố môi trường khác theo quy định pháp luật.

6. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau khi sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

7. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới.

8. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật; cập nhật, lưu giữ thông tin, số liệu về môi trường để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra khi cần thiết./